

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/DS - ST

Ngày: 08 - 10 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
và đòi bồi thường thiệt hại*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Hoàng Anh

Ông Nguyễn Thanh Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà
Võ Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST - DS ngày 16 tháng 4
năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự và đòi bồi thường thiệt hại*”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 9 năm
2025 và Quyết định hoãn phiên số: 103/2025/QĐ - PT ngày 26 tháng 9 năm 2025
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH J1.

Địa chỉ: Ấp M, xã D, Thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ấp M, phường D, tỉnh
Vĩnh Long).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ti Chee L, Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch
Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Lê Lâm P, sinh năm 1968.
Chức danh: Giám đốc điều hành Công ty. Theo văn bản ủy quyền ngày số:
11012024/POA –JVL ngày 11/01/2024 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Cao Đăng
D, Công ty L2 & TANNLCT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Liu F, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: B, F, No 58 Qingta xilu # 16 1102, Cộng hòa Nhân dân T2.

Người đại diện hợp pháp của ông Liu F:

1. Ông Mai Lưu P1, sinh năm 1987 (có mặt).

2. Bà Bùi Thị Như H, sinh năm 1998 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 7 V, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số G V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2024.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thúy P2, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Số B H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là Số B H, phường H, Thành phố Hà Nội).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Trần Thúy P2: Luật sư Nguyễn Thị Ngọc M, Văn phòng Luật sư Mai Nguyễn & Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Lâm P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH J1 trình bày: Ngày 01/01/2023 giữa Công ty TNHH J1 (sau đây viết tắt là Công ty) với ông Liu F có ký với nhau T ủy quyền. Theo nội dung T ủy quyền thì ông Lui F1 có nghĩa vụ cùng với bà Trần Thúy P2 ký vào các chứng từ trả lương hàng tháng cho người lao động của Công ty nhưng ông Liu F đã vi phạm nghĩa vụ theo Thư ủy quyền ngày 01/01/2023 là ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương hàng tháng cho người lao động của Công ty vào các tháng tháng 11, 12 năm 2023 và tháng 01, 02, 03 năm 2024 nên gây thiệt hại gồm các khoảng sau: Số tiền 33.000.000 đồng công ty bị Thanh tra Sở Lao động , thương binh và Xã hội tỉnh T xử phạt do không trả lương và trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đúng hạn; Số tiền 11.903.734 đồng tiền lãi chậm phát sinh do không trả lương đúng hạn; số tiền 12.498.677 đồng tiền lãi chậm nộp do việc chậm nộp thuế thu nhập cá nhân của người lao động; số tiền 13.606.293 đồng tiền lãi do chậm nộp do hành vi chậm đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động; số tiền 5.394.730 đồng phát sinh theo Bản án lao động số: 01/2024/LĐ – ST ngày 12/01/2024 (gồm: Tiền lãi chậm thanh toán trợ cấp thôi việc 2.460.000 đồng, án phí sơ thẩm 2.296.710 đồng, tiền lãi chậm trả khi thi hành án 638.020 đồng); số tiền 12.272.000 đồng phát sinh theo Bản án lao động số: 02/2024/LĐ – ST ngày 07/08/2024 (gồm: Tiền lãi chậm thanh toán trợ cấp thôi việc 6.629.000 đồng, án phí sơ thẩm 4.176.000 đồng, tiền lãi chậm trả khi thi hành án 1.467.000 đồng); số tiền 6.232.000 đồng phát sinh theo Bản án lao động số: 03/2024/LĐ – ST ngày 07/8/2024 (gồm: Tiền lãi chậm thanh toán trợ cấp thôi việc 1.679.000 đồng, án phí sơ thẩm 4.553.00 đồng); Số tiền 57.464.124 đồng trả cho mỗi người lao động để bù đắp tổn thất tinh thần; số tiền 25.480.000.000 đồng đền bù cho thiệt hại uy tín của Công ty. Tổng cộng số tiền là 25.632.371.558 đồng. Nay Công ty yêu cầu ông Liu F phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 25.632.371.558 đồng; yêu cầu ông Liu F phải công khai xin lỗi toàn bộ nhân viên của Công ty và xin lỗi Công ty; yêu cầu ông Liu F phải xin lỗi ông Ti Chee L.

Ông Mai Lưu P1, bà Bùi Thị Như H là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Liu F trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Giữa ông Liu F và Công ty có ký Thư ủy quyền ngày 01/01/2023, trên thực tế thì ông Liu F có nhiệm vụ ký vào các chứng từ trả lương hàng tháng cho người lao động của Công ty. Ông Lui F1 thừa nhận là ông Lui F1 không ký vào các chứng từ trả lương hàng tháng cho người lao động của Công ty các tháng tháng 11, 12 năm 2023 và tháng 01, 02, 03 năm 2024. Lý do ông Lui F1 không ký vào các chứng từ trả lương là do Công ty loại ông Liu F ra khỏi danh sách trả lương của Công ty mà không được thông qua Hội đồng thành viên của Công ty. Nguyên nhân Công ty cho rằng Công ty nhận được văn bản của Sở Lao động, thương binh và Xã hội tỉnh T, không cho phép Công ty làm việc với ông Liu F vì ông Liu F không có giấy phép lao động tại Việt Nam nên Công ty loại ông Liu F khỏi danh sách tiền lương Công ty. Ngoài ra, ông Liu F cho rằng bộ phận nhân sự của Công ty chưa làm tròn trách nhiệm hoạt động quản lý nhân sự của Công ty nên ông Liu F đề xuất phương án ông Liu F ký trước danh sách trả lương cho người lao động của Công ty, trừ phần danh sách lương của ông Liu F và bộ phận nhân sự của Công ty thì giải quyết sau nhưng Công ty không chịu nên ông Liu F không chịu ký tất cả danh sách trả lương cho người lao động của công ty. Nay ông Liu F không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Lâm P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Ông Liu F cố ý không ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty, vi phạm nghĩa vụ theo nội dung thỏa thuận của T ủy quyền ngày 01/01/2023. Ngoài ra, ông Lui F1 được Hội đồng Thành viên Công ty B1 làm Giám đốc tài chính, kiêm kế toán trưởng của Công ty, việc ông Liu F không ký vào các chứng từ trả lương các tháng 11, 12 năm 2023, tháng 1, 2, 3 năm 2024 là vì lý do cá nhân của ông Liu F, chỉ vì mâu thuẫn giữa cá nhân ông Liu F với bộ phận nhân sự của Công ty mà ông Lui F1 không ký các chứng từ trả lương dẫn đến các thiệt hại cho Công ty, đây là lỗi của ông Liu F. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Liu F cho rằng: Việc ông Liu F không ký vào các chứng từ trả lương các tháng 11, 12 năm 2023, tháng 1, 2, 3 năm 2024 là ông Liu F không vi phạm nghĩa vụ. Vì lý do Công ty loại ông Liu F ra khỏi danh sách trả lương; ông Liu F đã đề xuất phương án ông Liu F ký trước danh sách trả lương cho người lao động của Công ty, trừ phần danh sách lương của ông Liu F và bộ phận nhân sự của Công ty nhưng Công ty không chịu; ông Liu F đề nghị Công ty T3 họp Hội đồng thành viên nhưng Công ty không tổ chức họp; Thư ủy quyền ngày 01/01/2023 đã hết hạn từ 31/12/2023 nên ông Liu F không ký vào các tháng 1, 2, 3 năm 2024 là có cơ sở; các thiệt hại của Công ty không có mối quan hệ nhân quả với hành vi của ông Liu F, Công ty không áp dụng các biện pháp cần thiết khác để hạn chế thiệt hại, Công ty có quyền đổi người khác thay ông Liu F nhưng Công ty không làm; về phạm vi khởi kiện thì Công ty chỉ khởi kiện ông Liu

F bồi thường do không thực hiện trách nhiệm theo nội dung Thư ủy quyền ngày 01/01/2023 nên chỉ giải quyết trong nội dung Thư ủy quyền này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy P2 cho rằng: Ông Liu F hiểu rõ trách nhiệm của ông Lui F1 theo Thư ủy quyền ngày 06/6/2018 và T ủy quyền ngày 01/01/2023 là có trách nhiệm ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty; ông Liu F nhận thức được rằng nếu không ký vào các chứng từ trả lương sẽ ảnh hưởng đến người lao động của Công ty, ảnh hưởng đến Công ty. Việc ông Liu F không ký vào các chứng từ trả lương chỉ vì mâu thuẫn cá nhân giữa ông Liu F với bộ phận nhân sự của Công ty. Ông Liu F là Giám đốc tài chính, kiêm kế toán trưởng của Công ty nên ông Liu F có trách nhiệm ký vào các chứng từ trả lương, việc ông Liu F không chịu ký là lỗi của ông Liu F dẫn đến các thiệt hại cho Công ty. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Giữa Công ty với ông Liu F có ký Thư ủy quyền ngày 01/01/2023. Theo nội dung thư ủy quyền thì ông Liu F có trách nhiệm ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty. Việc ông Liu F không ký vào các chứng từ trả lương là thiếu thiện chí nhưng việc Công ty chậm trả lương cho người lao động là trách nhiệm của Công ty chứ không phải trách nhiệm của ông Liu F. Khi Công ty với ông Lui F1 ký Thư ủy quyền ngày 01/01/2023 thì ông Liu F không phải là người lao động của Công ty, điều kiện nêu trong Thư ủy quyền này thể hiện Thư ủy quyền hết hiệu lực khi ông Liu F không còn là người lao động của Công ty nên Thư ủy quyền này không có hiệu lực ngay khi hai bên ký kết. Ngoài ra, khi ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương thì Công ty có thể ủy quyền cho người khác nhưng Công ty không làm; Công ty không áp dụng các biện pháp cần thiết khác để hạn chế thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự và đòi bồi thường thiệt hại*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Liu F đang ở Trung Quốc nên căn cứ vào Điều 26, Điều 37, 38, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

[3] Công ty TNHH J1 là công ty TNHH một thành viên, hoạt động theo mô hình Hội đồng thành viên theo điểm b, khoản 1 Điều 78 Luật doanh nghiệp năm 2014 (theo điểm b khoản 1 Điều 79 Luật doanh nghiệp năm 2020). Hội đồng thành viên gồm ông Ti Chee L, ông Gong W, ông Liu Jiang L1. Trụ sở Cty đặt tại ấp M, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Ti Chee L (BL 10, 414 – 440, 451a – 454).

Ông Liu F làm việc cho Công ty theo hợp đồng lao động ngày 29/11/2019, thời hạn hợp đồng lao động tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 24/9/2021 hết hạn hợp đồng (BL 18 - 23). Ông Liu F được Hội đồng thành viên Công ty B1 làm Giám đốc tài chính, kiêm kế toán trưởng của Công ty ngày 06/6/2018 (BL 268 - 269).

Do hết giấy phép lao động tại Việt Nam nên khi Hợp đồng lao động hết thời hạn (ngày hết hạn 24/9/2021) thì giữa Công ty với ông Liu F không ký tiếp hợp đồng lao động mà chuyển sang hình thức Công ty ủy quyền cho ông Lui F1 thực hiện công việc theo ủy quyền từng năm. Từ giai đoạn năm 2021 đến cuối năm 2022 các bên không phát sinh tranh chấp. Năm 2023, Công ty tiếp tục ủy quyền cho ông Lui F1 thực hiện công việc thông qua Theo thư ủy quyền ngày 01/01/2023, nội dung thể hiện: “*Ủy quyền cho ông Liu F và bà Trần Thúy P2 được cùng nhau thay mặt và đại diện cho B ủy quyền và Công ty để cùng nhau thực hiện các công việc liên quan đến Ngân hàng I, bao gồm không giới hạn: 1. Tòa quyền chuẩn bị, soạn, ký, nộp, thu hồi, nhận các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ, đơn, công văn, thư từ (gọi chung là tài liệu Công ty) phục vụ cho hoặc có liên quan đến các vấn đề của Công ty với Ngân hàng I, bao gồm không giới hạn: (i) Các tài liệu liên quan đến giải ngân khoản vay; (ii) kế hoạch thanh toán hàng tháng...*”; thời hạn ủy quyền đến ngày 31/12/2023 (BL 13 – 17). Theo nội dung T ủy quyền trên thì ông Liu F có nghĩa vụ ký các chứng từ trả lương hàng tháng cho người lao động của Công ty, việc này cũng được người đại diện của Liu F là bà Bùi Thị Như H, ông Mai Lưu P1 thừa nhận (BL 544).

Tuy nhiên, từ tháng 11, 12 năm 2023 và tháng 01, 02, 03 năm 2024 ông Liu F không chịu ký các chứng từ trả lương cho người lao động Công ty nên dẫn đến các thiệt hại trên.

Theo đại diện Công ty cho rằng lý do mà ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của công ty là do: Vào ngày 17/11/2023 Sở Lao động, thương binh và Xã hội tỉnh T có ban hành công văn số: 2867/SLĐTBXH - LĐVLGDNN yêu cầu Công ty không sử dụng 02 người nước ngoài là ông Liu F và ông J cho đến khi làm hồ sơ được Sở L3 và Xã hội cấp giấy phép lao động thì mới được làm việc tại Việt Nam (BL 255). Vì vấn đề này cho nên Công ty đã loại ông Liu F và ông Liu J ra khỏi danh sách trả lương của Công ty từ tháng 11/2023, cũng chính vì Công ty loại ông Liu F ra khỏi danh sách trả lương và do mâu thuẫn cá nhân giữa ông Liu F với bộ phận nhân sự của Công ty nên ông Liu F mới không chịu ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty. Công ty có nhiều lần yêu cầu ông Liu F cung cấp các giấy tờ cá nhân để công ty làm hồ sơ xin cấp giấy phép lao động cho ông Liu F nhưng ông Liu F không chịu cung cấp giấy tờ cá nhân cho Công ty nhưng ông Liu F không đưa ra lý do (BL 545 – 548).

Theo người đại diện cho ông Liu F là bà Bùi Thị Như H, ông Mai Lưu P1 cho rằng lý do mà ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty là do Công ty loại ông Liu F ra khỏi danh sách trả lương của công ty mà không được thông qua Hội đồng thành viên của Công ty. Ngoài ra, ông Liu F cho rằng bộ phận nhân sự của Công ty chưa làm tròn trách nhiệm của hoạt động quản lý nhân sự Công ty nên ông Liu F đề xuất phương án ông Liu F ký trước danh sách trả lương cho người lao động của Công ty, trừ phần danh sách lương của ông Liu F và bộ phận nhân sự của Công ty thì giải quyết sau nhưng Công ty không chịu nên ông Liu F không chịu ký tất cả danh sách trả lương người lao động của Công ty (BL 543 – 544).

Theo Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014 và khoản 29 Điều 4 của Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định: *“Thanh viên công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty H1”*.

Như vậy, ông Liu F1 đã hết hợp đồng lao động với Công ty và theo quy định trên của Luật doanh nghiệp thì ông Liu F không phải là người lao động của Công ty, cũng không phải là thành viên Công ty M1 vẫn còn giữ chức vụ Giám đốc tài chính, kiêm kế toán trưởng Công ty. Ông Liu F1 với Công ty C thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua Hợp đồng ủy quyền thực hiện công việc theo quy định của Bộ luật Dân sự (Thư ủy quyền ngày 01/01/2023).

[4] Xét về lỗi của Công ty:

Xét về góc độ hợp đồng ủy quyền (Thư ủy quyền ngày 01/01/2023) theo Bộ luật dân sự năm 2015: Thì trong trường hợp ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động thì Công ty có quyền ủy quyền cho người khác thực hiện công việc của ông Liu F, nếu Công ty làm việc này kịp thời thì hạn chế thiệt hại xảy ra. Ngoài ra, Công ty biết việc sử dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam mà không có giấy phép lao động là không được pháp luật Việt Nam cho phép nhưng vẫn sử dụng ông Liu F khi hết giấy phép lao động và hết hợp đồng lao động. Do đó, đây là lỗi của Công ty.

Xét về góc độ ông Liu F được Công ty bổ nhiệm làm Giám đốc tài chính, kiêm kế toán trưởng Công ty thì theo quy định tại Tàì mục 13.9 Điều 13 và mục 25.4 Điều 25 của Điều lệ của Công ty TNHH J1 quy định: *“Hội đồng thành viên Công ty có quyền Bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm Tổng giám đốc và kế Toán trưởng và quyết định quyền hạn, nghĩa vụ của những người này; Tổng Giám đốc công ty có quyền Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty B2, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên”*. Như vậy, với quy định trên thì Hội đồng thành viên có quyền miễn nhiệm ông Liu F1 và bổ nhiệm người khác thay thế ông Liu F, nếu Hội đồng thành viên Công ty làm việc này kịp thời thì hạn chế thiệt hại xảy ra nhưng Hội đồng thành viên công ty không chịu miễn nhiệm ông Liu F. Do đó, đây cũng là lỗi của Công ty.

[5] Xét về lỗi của ông Liu F: Theo Thư ủy quyền ngày 01/01/2023 thì ông Liu F có trách nhiệm ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty (người đại diện hợp pháp của Liu F là bà Bùi Thị Như H, ông Mai Lưu P1 cũng thừa nhận trách nhiệm này của ông Liu F) nhưng ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty. Lý do ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương là do Công ty loại ông Liu F ra khỏi danh sách trả lương; ông Liu F đã đề xuất phương án ông Liu F ký trước danh sách trả lương cho người lao động của Công ty, trừ phần danh sách lương của ông Liu F và bộ phận nhân sự của Công ty nhưng Công ty không chịu. Điều này cho thấy, nguyên nhân chính dẫn đến ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương là do mâu thuẫn cá nhân giữa ông Liu F với bộ phận nhân sự của Công ty chứ không phải chỉ vì nguyên nhân Công ty loại ông Liu F ra khỏi danh sách trả lương. Việc này được chứng minh, tại phiên toàn hôm nay người đại diện của ông Liu F và người đại diện của Công ty cũng thừa nhận từ tháng 4 năm 2024 cho đến hiện nay thì ông Liu F vẫn ký vào các chứng từ trả lương hàng tháng cho người lao động của Công ty trong khi hiện nay Công ty không có trả lương cho ông Liu F.

Ông Liu F biết việc mình không ký vào các chứng từ trả lương hàng tháng cho người lao động sẽ ảnh hưởng đến đời sống của người lao động của Công ty, ảnh hưởng đến Công ty, sẽ dẫn đến các thiệt hại cho Công ty nhưng ông Liu F vẫn cố tình không ký vào các chứng từ trả lương. Đây là lỗi của ông Liu F.

[6] Từ những nhận định và phân tích trên [3], [4], [5], Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Liu F không chịu ký vào các chứng từ trả lương cho người lao động của Công ty dẫn đến các thiệt hại cho Công ty thì Công ty và ông Liu F đều có lỗi ngang nhau.

[7] Đối với các thiệt hại: Số tiền 33.000.000 đồng Công ty bị Thanh tra Sở Lao động , thương binh và Xã hội tỉnh T xử phạt do không trả lương và trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đúng hạn; Số tiền 11.903.734 đồng tiền lãi chậm phát sinh do không trả lương đúng hạn; số tiền 12.498.677 đồng tiền lãi chậm nộp do việc chậm nộp thuế thu nhập cá nhân của người lao động; số tiền 13.606.293 đồng tiền lãi do chậm nộp do hành vi chậm đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động; số tiền 5.394.730 đồng phát sinh theo Bản án lao động số 01/2024/LĐ – ST ngày 12/01/2024 (gồm: Tiền lãi chậm thanh toán trợ cấp thôi việc 2.460.000 đồng, án phí sơ thẩm 2.296.710 đồng, tiền lãi chậm trả khi thi hành án 638.020 đồng); số tiền 12.272.000 đồng phát sinh theo Bản án lao động số 02/2024/LĐ – ST ngày 07/08/2024 (gồm: Tiền lãi chậm thanh toán trợ cấp thôi việc 6.629.000 đồng, án phí sơ thẩm 4.176.000 đồng, tiền lãi chậm trả khi thi hành án 1.467.000 đồng); số tiền 6.232.000 đồng phát sinh theo Bản án lao động số 03/2024/LĐ – ST ngày 07/8/2024 (gồm: Tiền lãi chậm thanh toán trợ cấp thôi việc 1.679.000 đồng, án phí sơ thẩm 4.553.00 đồng). Tổng cộng số tiền 94.907.434 đồng. Các thiệt hại này là có thật và nguyên đơn Công ty cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho các yêu cầu này. Như nhận định trên, Công ty và ông Liu F đều có lỗi ngang nhau nên buộc ông Liu F phải bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại này cho Công ty với số tiền 47.453.717 đồng (94.907.434 đồng/2).

[8] Đối với việc Công ty yêu cầu ông Liu F bồi thường cho Công ty số tiền 57.464.124 đồng mà Công ty trả cho người lao động để bù đắp tổn thất tinh thần cho người lao động, trên thực tế Công ty chưa chi trả cho người lao động số tiền này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[9] Đối với việc Công ty yêu cầu ông Liu F bồi thường thiệt hại uy tín của Công ty số tiền 25.480.000.000 đồng, yêu cầu ông Liu F công khai xin lỗi toàn bộ nhân viên của Công ty, xin lỗi Công ty và xin lỗi ông Ti Chee L, Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế đây là mâu thuẫn nội bộ của Công ty, trên thực tế Công ty không có bị thiệt hại về uy tín nên các yêu cầu này không có cơ sở không chấp nhận.

[10] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần.

[11] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần.

[12] Về chi phí ủy thác tư pháp: Buộc Công ty TNHH J1 phải chịu số tiền 800.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004511 ngày 01/10/2024; số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004512 ngày 01/10/2024; số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000020 ngày 17/12/2024; số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000021 ngày 17/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long) nên Công ty không phải nộp tiếp.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH J1 phải chịu 5.245.892 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trên số tiền 47.453.717 đồng + 57.464.124 đồng không được chấp nhận) nhưng được trừ vào 2.969.531 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002600 ngày 11/4/2024 và 839.758 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000019 ngày 17/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh V) mà Công ty đã nộp, Công ty TNHH J1 phải nộp tiếp số tiền 1.436.603 đồng.

Buộc ông Liu F phải chịu 2.372.685 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trên số tiền 47.453.717 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 37, 38, 39, 147, 153, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 562, 563, 565, 566, 567, 568 và Điều 569 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH J1.

Buộc ông Liu F bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH J1 số tiền 47.453.717 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH J1: Yêu cầu ông Liu F bồi thường cho Công ty số tiền 57.464.124 đồng để bù đắp tổn thất tinh thần cho người lao động; yêu cầu ông Liu F bồi thường thiệt hại uy tín của Công ty số tiền 25.480.000.000 đồng; yêu cầu ông Liu F công khai xin lỗi toàn bộ nhân viên của Công ty, xin lỗi Công ty và xin lỗi ông Ti Chee L.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp: Buộc Công ty TNHH J1 phải chịu số tiền 800.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004511 ngày 01/10/2024; số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004512 ngày 01/10/2024; số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000020 ngày 17/12/2024; số tiền nộp tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000021 ngày 17/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long) nên Công ty không phải nộp tiếp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH J1 phải chịu 5.245.892 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 2.969.531 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002600 ngày 11/4/2024 và 839.758 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000019 ngày 17/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh V) mà Công ty đã nộp, Công ty TNHH J1 phải nộp tiếp số tiền 1.436.603 đồng.

Buộc ông Liu F phải chịu 2.372.685 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Riêng đương sự ở nước ngoài vắng mặt mà không có ủy quyền tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Hùng